TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Văn Hải

2. Bà Phạm Thị Huyền

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh P *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Hà Anh T, sinh năm 2002; địa chỉ: Số nhà 43, tổ 11, Khu dân cư Sa Đéc, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh P; Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1990, hộ khẩu Thường trú: Số 2/1/508, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Tổ 14 B, khu dân cư Phú An, phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Hà Anh T trình bày:

Chị có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thành N ngày 12/5/2020 tại UBND phường Hùng Vương, quận H, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, anh N có đăng ký tạm trú tại số nhà 85, tổ 14 B, khu dân cư Phú An, phường Phong

Châu, thị xã P, tỉnh P. Đến ngày 21/10/2019 thì chị có sinh 01 con chung với anh N. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống tại tổ 14 B, khu dân cư Phú An, phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nết nên Tờng xảy ra mâu thuẫn. Hai bên gia đình tham gia góp ý nhưng đều không có kết quả dẫn đến chị phải dọn về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở thì anh N làm nghề tự do và vẫn ở tại địa chỉ tổ 14 B, khu dân cư Phú An, phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P. Nay hai bên không quan tâm đến nhau nữa. Anh N không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ, con, không chăm sóc con chung, bỏ mặc chị một mình nuôi con nhỏ. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh N nữa nên chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thiện N - sinh ngày 21/10/2019, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành N vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đồng thời anh N có bản tự khai trình bày ý kiến như sau: Anh đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị Phạm Hà Anh T xin ly hôn với anh. Anh có kết hôn với chị T ngày 12/5/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 85, tổ 14B, khu dân cư Phú An, phường Phong Châu, thị xã P, tỉnh P. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính nết không hợp nhau, chênh lệch tuổi tác. Nay thấy tình cảm đã hết, chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 21/10/2019, hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị T nuôi con chung. Anh có trách nhiệm tùy theo khả năng của anh.

Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án, vì lý do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh đồng ý thỏa thuận với chị T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình với chị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban Tòng vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hà Anh T và anh Nguyễn Thành N.

Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Chị Phạm Hà Anh T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 21/10/2019. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh N đều khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận ý kiến của chị Phạm Hà Anh T về việc xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Hà Anh T và bị đơn là anh Nguyễn Thành N vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị T xin ly hôn vì tình cảm không còn, anh N nhất trí ly hôn, vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N là phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung:

Các đương sự đã thỏa thuận: Chị Phạm Hà Anh T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 21/10/2019.

Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Nếu có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét, giải quyết trong vụ, việc khác.

[5] Về án phí: Chị T xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban Tòng vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hà Anh T và anh Nguyễn Thành N.

Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau:

Chị Phạm Hà Anh T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 21/10/2019. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh N đều khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí:

Chị Phạm Hà Anh T xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0003146** ngày **11/10/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P.

Chị T còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơinhận:
- VKSND thị xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã P;
- UBND **phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.**
- Lưu hồ sơ, Vp, Kt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Chi